

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/ HNGĐ - ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2026.
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Trọng Trung.
2. Bà Vũ Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐXX ST- HNGĐ ngày 29/7/2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị M, sinh ngày 02/01/1983.

Căn cước công dân số 010183001454. Giới tính: Nữ

Địa chỉ: Thôn Ch 5 (thôn Ch1), xã V L, tỉnh LC. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985 (tên gọi khác: Lương Văn C , sinh ngày 07/12/1984), Căn cước công dân số 010085006746. Giới tính: Nam. Địa chỉ: Thôn Ch 5 (thôn Ch1), xã V L, tỉnh LC. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Lưu Thị M trình bày: Năm 2003, chị và anh Lương Văn C tự nguyện chung sống với nhau theo phong tục tập quán. Ngày 08/8/2005, chị và anh Lương Văn C đến Ủy ban nhân dân xã Võ Lao, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (nay là xã Võ Lao, tỉnh Lào Cai) đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị nhận thấy giữa các giấy tờ nhân thân của anh Lương Văn C có sự không thống nhất về ngày, tháng, năm sinh. Tuy nhiên, chị xác định người mang tên Lương Văn C , sinh ngày 07/12/1984 ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy khai sinh của con với người mang tên Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985, Căn cước công dân số 010085006746, hiện cư trú tại thôn Ch 5 (thôn Ch1), xã V L, tỉnh LC là cùng

một người. Từ khi kết hôn đến nay, chị chỉ có một người chồng duy nhất là anh Lương Văn C .

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm. Đến đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Mặc dù cả hai đã cho nhau cơ hội để khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả; anh C vẫn không thay đổi, thường xuyên lời qua tiếng lại, chửi mắng chị, làm tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ đầu năm 2024 vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và sống ly thân đến nay.

Chị xác định không còn tình cảm với anh C , mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì chị vẫn tiếp tục sống ly thân như hiện nay và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh C . Chị đề nghị được ly hôn với anh Lương Văn C .

Về con chung: Chị và anh Lương Văn C có 02 con chung là cháu Lương Ngọc Muôn, sinh ngày 26/4/2004 và cháu Lương Thanh Thảo, sinh ngày 12/10/2007. Hiện nay, các con đều có sức khỏe bình thường, đã trưởng thành. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, vay nợ: Chị M xác định, chị và anh C không có; không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không có ai nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị của anh Lương Văn C trình bày: Anh công nhận lời trình bày của chị M về thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, quá trình ly thân và xác định tình trạng hôn nhân không còn khả năng hàn gắn. Nay anh đề nghị ly hôn với chị Lưu Thị M.

Về nhân thân: Anh Lương Văn C trình bày anh sử dụng Căn cước công dân số 010085006746, họ tên Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985, thường trú tại thôn Ch 5 (thôn Ch1), xã V L, tỉnh LC. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 08/8/2005 tại UBND xã Võ Lao và Giấy khai sinh của con chung ghi anh Lương Văn C , sinh ngày 07/12/1984. Anh cho rằng việc ghi khác ngày, tháng, năm sinh là do khi đăng ký kết hôn không xuất trình giấy tờ tùy thân nên khai không chính xác; thực tế hai thông tin nêu trên đều là của cùng một người, là Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985 có căn cước công dân số 010085006746.

Về con chung: Anh công nhận chị M trình bày phần trên là đúng cháu Lương Ngọc Muôn, sinh ngày 26/4/2004 và cháu Lương Thanh Thảo, sinh ngày 12/10/2007 đã trưởng thành và đang sinh sống cùng anh C . Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, vay nợ: Anh và chị M không có; không nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho ai vay nợ vợ chồng. Anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được phổ biến đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, quyền yêu cầu phản tố và quyền yêu cầu độc lập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã có bản tự khai trình bày ý kiến về quan hệ hôn

nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, tại giai đoạn kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị M và bị đơn anh Lương Văn C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khu vực 8- Lào Cai có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử, chị Lưu Thị M được ly hôn với anh Lương Văn C .

Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo chị Lưu Thị M yêu cầu “Ly hôn”. Xét thấy, bị đơn anh Lương Văn C cư trú tại thôn Ch 5 (thôn Ch1), xã V L, tỉnh LC nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nhân thân của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa các giấy tờ nhân thân của bị đơn có sự không thống nhất về ngày, tháng, năm sinh. Cụ thể, Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01, đăng ký ngày 08/8/2005 tại UBND xã Võ Lao và Giấy khai sinh của con chung ghi ông Lương Văn C , sinh ngày 07/12/1984, trong khi

Căn cước công dân số 010085006746 và thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ghi Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985.

Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm văn bản xác minh của UBND xã Võ Lao, Công an xã Võ Lao, xác nhận của Trưởng thôn Chiềng 5 (Chiềng 1), cùng lời khai thống nhất của nguyên đơn và bị đơn, đều xác định người mang tên Lương Văn C , sinh ngày 07/12/1984 ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn và Giấy khai sinh của con chung *chính là người mang tên Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985, Căn cước công dân số 010085006746*, hiện cư trú tại thôn Ch 5 (thôn Ch1), xã V L, tỉnh LC. Tại địa phương cũng không có người nào khác cùng họ tên, có nhân thân, quan hệ gia đình và nơi cư trú trùng khớp.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định đây là cùng một người; sự khác nhau về ngày, tháng, năm sinh chỉ là sự không thống nhất về thông tin trên một số giấy tờ hộ tịch, không làm thay đổi nhân thân của bị đơn và không ảnh hưởng đến việc xác định chủ thể trong quan hệ hôn nhân đang được giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn là anh Lương Văn C , sinh ngày 02/3/1985 (tên gọi khác: Lương Văn C , sinh ngày 07/12/1984), Căn cước công dân số 010085006746.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ngày 08/8/2005 chị Lưu Thị M và anh Lương Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 17 năm đến đầu năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai đều cho nhau cơ hội nhưng anh chị vẫn giữ nguyên phong cách sống, rồi điều qua tiếng lại, chửi mắng nhau làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng nhất vào đầu năm 2024, chị đã bỏ về nhà cha mẹ để ở, bỏ mặc không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay ly thân khoảng hơn 02 năm, thiếu sự chăm lo, yêu thương, chăm sóc, tôn trọng giúp đỡ nhau, người nào biết bốn phận người đó, bỏ mặc nhau trong cuộc sống nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị M yêu cầu đề nghị được ly hôn với anh C mà không được chấp nhận yêu cầu thì chị tiếp tục sống ly thân như hiện nay. Anh C không nới kéo hôn nhân, không hướng đến mục đích đoàn tụ vợ chồng nên đề nghị không Hòa giải. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh C mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử C áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị M đề nghị được ly hôn với anh Lương Văn C .

[4] Về con chung: Xét thấy, chị M và anh C có 02 con chung là cháu Lương Ngọc Muốn, sinh ngày 26/4/2004; cháu Lương Thanh Thảo, sinh ngày 12/10/2007. Do các con chung đều đã thành niên và các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lưu Thị M theo quy định pháp luật. Anh Lương Văn C , không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

[8] Xét thấy, ý kiến, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 8 – Lao Cai tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Chị Lưu Thị M được ly hôn với anh Lương Văn C .

2. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Lưu Thị M.

Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSNDKV8 – Lào Cai(2);
- Nguyên đơn (01).
- Bị đơn (01).
- Phòng THADSKV8(1);
- UBND xã Võ Lao (1).
- Lưu HS vụ án (02),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA TÒA**

Đỗ Thị Lụa

